

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM THAO
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10 /2020/DS-ST

Ngày 29 tháng 4 năm 2020

V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Ông Nguyễn Trung Tĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2019/TLST-DS ngày 10/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐST-DS ngày 30/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 14/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1974;

ĐKHKTT tại: Khu N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu Lâm Thao, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1987;

Địa chỉ: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại tòa án, anh Nguyễn Thanh B là nguyên đơn trình bày:

Do quen biết chị H nên anh có cho chị Nguyễn Thị H ở khu T, thị trấn L, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ vay số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), vay làm 02 lần, có viết giấy vay đầy đủ, chị H có viết giấy biên nhận và ký vào giấy vay tiền, có thỏa thuận về lãi suất miệng với nhau, cụ thể 02 lần như sau:

- Lần 1: Ngày 15/02/2019 anh Nguyễn Thanh B có cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), hẹn khi cần lấy thì anh B sẽ báo trước cho chị H 5 ngày chị H sẽ trả.

- Lần 2: Ngày 05/3/2019 anh Nguyễn Thanh B có cho chị Nguyễn Thị H vay thêm số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 1 tháng và có để lại chiếc xe máy biển kiểm soát SH125i – 19S126898 mang tên Nguyễn Thị H chỉ để lại xe không để lại giấy tờ, lãi suất thỏa thuận miệng.

Sau khi vay được tiền đến ngày 13/3/2019, chị H có trả bớt cho anh 10.000.000đ tiền gốc của số tiền 30.000.000đ và lấy lại chiếc xe nói trên. Sau 1 tháng chị H không trả nốt được cho anh số tiền 20.000.000đ và tiền lãi của khoản tiền trên.

Như vậy, đối với hai khoản tiền vay nói trên chị H chỉ trả được cho anh khoản tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), còn chị H chưa thanh toán được cho anh khoản tiền lãi phát sinh nào từ hai khoản nợ trên dù anh đã đòi nhiều lần. Nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ buộc chị trả khoản tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Nếu chị H trả ngay cho anh số tiền trên thì anh không yêu cầu tính lãi còn nếu chị H trả dần thì anh yêu cầu tính lãi khoản lãi đối với số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc tính từ ngày 20/12/2019 cho đến khi chị H thanh toán xong khoản nợ trên.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại tòa. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án chị H đã thể hiện quan điểm như sau:

- Do mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Thanh B nên ngày 15/02/2019 chị có vay của anh B số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Khi vay chị có viết giấy biên nhận và ký tên vào giấy biên nhận đó, lãi suất thỏa thuận miệng là 4.000đ /1 triệu/ 1 ngày, hẹn khi cần lấy thì báo trước 5 ngày. Sau khi vay được tiền thì anh có cắt luôn tiền lãi trước là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Việc chị đưa lại cho anh B số tiền này chị cũng không có giấy tờ gì.

- Đến ngày 05/3/2019: Chị có vay tiếp anh B số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và có để lại chiếc xe máy biển kiểm soát SH125i – 19S126898 mang tên Nguyễn Thị H chỉ để lại xe không để lại giấy tờ, thời hạn vay số tiền trên là 1 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng 4.000đ /1 triệu/ 1 ngày. Sau đó chị đã trả lãi cho khoản vay này số tiền là 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng) cùng với tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Chị có đưa cho vợ anh B. Việc chị trả khoản tiền trên chị không có giấy tờ gì.

Như vậy, tổng hai lần vay chị có vay của anh B số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Chị đã thanh toán được số tiền gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tiền lãi của hai khoản tiền trên chị đã trả đến hết tháng 7/2019 thì chị không có khả năng trả nữa vì điều kiện kinh tế của chị khó khăn. Nay anh B khởi kiện yêu cầu

chị trả khoản tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi là 12.076.000đ (Mười hai triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) thì do hoàn cảnh khó khăn chị xin được trả khoản tiền gốc là 80 triệu còn tiền lãi chị xin. Chị xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) vào ngày 25 hàng tháng kể từ tháng 01/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án;

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật nên không đảm bảo được quyền lợi của mình.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị H phải trả đủ số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cho anh Nguyễn Thanh B.

Về số tiền lãi anh Nguyễn Thanh B đề nghị chị Nguyễn Thị H phải trả lãi số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) tính từ ngày 20/12/2019 cho đến khi chị H thanh toán xong là phù hợp.

Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Thanh B khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền đã vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Xét bị đơn là chị Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú ở Khu T, thị trấn L, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Biên bản xác minh ngày 24/2/2020 thể hiện chị H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Thẩm phán đã thực hiện niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định. Phiên tòa hôm nay, chị H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ

luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử chị H là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Đối với số tiền khởi kiện: Anh Nguyễn Thanh B cho chị Nguyễn Thị H vay làm hai lần: Ngày 15/02/2019 anh B cho chị H vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và ngày 05/3/2019 anh B cho chị H vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tổng hai khoản vay là 90.0000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Tại lời khai của chị H, anh B cũng như Biên bản hòa giải ngày 20/12/2020 chị H, anh B đều thừa nhận, sau khi vay số tiền 90.0000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), ngày 13/3/2019 chị H đã trả cho anh B 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), còn nợ lại anh B 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), hiện số tiền này chị H vẫn chưa trả được cho anh B. Như vậy cần khẳng định việc chị H còn nợ anh B số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) theo yêu cầu khởi kiện của anh B là có thật, do đó có đủ căn cứ để buộc chị H phải trả anh B số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) mà chị H chưa trả cho anh B.

[2.2]. Đối với khoản tiền lãi: Tại lời khai của anh B và chị H cùng với Giấy vay tiền giữa anh B, chị H thể hiện: Anh B và chị H có xác định về thời hạn trả nợ (lần 1: khi cần thì báo trước 05 ngày và lần 2 là sau 01 tháng kể từ ngày vay 05/3/2019); tháng 4/2019 anh B đã nhiều lần cùng lúc yêu cầu chị H phải trả toàn bộ các khoản nợ này; quá trình lấy lời khai chị H và anh B đều xác định đây là khoản vay có lãi (thỏa thuận miệng), tuy nhiên do chị H cho rằng lãi suất của khoản vay là 4000 đồng/1triệu/ngày còn anh B cho rằng cả hai thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước. Như vậy căn cứ khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự thì đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, tuy nhiên do các bên không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn lãi suất của tổng số tiền còn nợ là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) x số thời gian chậm trả kể từ ngày chậm trả tính đến ngày xét xử 29/4/2020 x 10%/năm (hoặc 0,833%/tháng); song tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh B thể hiện quan điểm chỉ yêu cầu chị H phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 20/12/2019 cho đến khi chị H thanh toán xong khoản nợ trên (tính đến ngày xét xử là 04 tháng 09 ngày). Xét quan điểm của anh B là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị H phải trả cho anh B ngoài số tiền gốc 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) còn nợ thì chị H còn phải trả số tiền lãi kể từ ngày 20/12/2019 đến ngày xét xử (29/4/2020) là 04 tháng 09 ngày, cụ thể như sau: 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) x 04 tháng 09 ngày x 0,833%/tháng = 2.865.520 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng).

[3]. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Nguyễn Thanh B số tiền tạm ứng đã nộp theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 470; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 161; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh B đối với chị Nguyễn Thị H.

2. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Nguyễn Thanh B số tiền còn nợ tính đến ngày 29/4/2020 là: 82.865.520 đồng (Tám mươi hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng) trong đó có 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 2.865.520 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 4.143.276 đồng (Bốn triệu một trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm bảy sáu đồng).

Hoàn trả cho anh Nguyễn Thanh B số tiền 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp theo biên lai số 0002726 ngày 9/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Thao.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét phúc thẩm..

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Kim Nguyên